TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2022/HSST
ngày 18/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hiền.
2. Ông Nguyễn Hữu Hiển.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 111/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2022 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/TB-TA ngày 09/3/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 08/4/1962 tại TB; nơi cư trú: Thôn H, xã HB, huyện Đ, tỉnh TB; trình độ văn hóa (học vấn): 9/10; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H (đã chết; ông Nguyễn Đình H là thương binh loại A, thương tật 5/9 cấp ngày 01/6/1982) và bà Đào Thị N (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1967 và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tháng 3/1979 nhập ngũ tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam, tháng 6/1983 xuất ngũ về địa phương lao động tự do. Quá trình sinh sống có 3 lần bị kết án, nhưng đều đã được xóa án tích: Bản án hình sự số 153/HSST ngày 11/12/1996 TAND tỉnh Thái Bình xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 2 năm về tội "Chứa chấp tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; Bản án hình sự số 51/2009/HSST ngày 16/11/2009 của TAND huyện Đông Hưng xử phạt 15 tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc"; Bản án hình sự số 60/2012/HSST ngày 15/8/2012 của TAND huyện Hưng Hà xử phạt 05 tháng tù về tội "Đánh bạc". Ngoài ra, ngày 11/7/2021 D có hành vi đánh bạc, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xử phạt 11 tháng tù tại Bản án số 90/2021/HSST ngày 24/11/2021, thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2021, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Phong, đóng tại thị trấn Nông Cống, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

* *Bị hại:* Anh Ngô Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh TB (có mặt tại phiên tòa).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967; nơi cư trú: Thôn H, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB(có mặt tại phiên tòa).

** Người làm chứng:*

- Anh Đào Văn D, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn H, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB (vắng mặt).

- Anh Đào Duy V, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn H, xã HB, huyện ĐH, tỉnh TB (vắng mặt).

- Anh Trần Lê B, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ngõ 100, phố T, quận C, thành phố HN (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thị trấn M, huyện V, tỉnh Y**B** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2018, anh Ngô Văn T bị truy tố ra Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ để xét xử về hành vi đánh bạc. Do mong muốn được Tòa án cho hưởng án treo nên qua các mối quan hệ xã hội, anh T được giới thiệu là Nguyễn Mạnh D có khả năng liên hệ giúp được. Ngày 20/3/2019, anh T đi xe taxi đến nhà D. Đến nơi, gặp D ở nhà, anh T giới thiệu bản thân, trình bày việc sắp bị xét xử về tội đánh bạc và nhờ D giúp liên hệ với cơ quan chức năng xét xử cho anh T được hưởng án treo. D nói với anh T: *"Việc này chú lo được", "Tao cứ lo cho mày không phải đi tù là được", "Có cầm tiền không thì đưa để làm tin".* T nói: *"Bây giờ cháu chỉ có 50 triệu đồng thôi"* và đưa cho D 50 triệu đồng. D cầm tiền và nói:*"Cứ về đi có gì mai tao gọi"*. Hai ngày sau đó, D gọi điện cho anh T, tiếp tục đưa ra thông tin gian dối để yêu cầu anh T đưa thêm tiền. D nói: *"...Tỉnh với huyện chú đã đi làm việc hết rồi, không được...bây giờ ở trung ương người ta sắp xếp người ta lo, người ta nhận được thì người ta đã báo ... coi như xong... thế còn cái kinh phí thì khổ... phải ba trăm nữa... không thể thiếu một nghìn được ... Cái cơ của chú nó to lắm ... Cái vụ án của cháu là bên nhà nước can thiệp đấy, chỉ đạo về đấy chứ không phải bình thường..."*. Ngày hôm sau anh T đi xe mô tô mang theo 300 triệu đồng đến nhà D. Tại đây D tiếp tục nói dối anh T để anh T tin tưởng giao thêm tiền. D nói: *"... Bây giờ phải chấp nhận lên bộ người ta điện về thì người ta ép thôi. Chứ người ta làm thế nào thì làm, miễn anh cứ có án treo ... tỉnh với huyện là bó tay... Bắt buộc tớ phải đi Hà Nội, đấy ngày hôm kia, ngày hôm qua đi Hà Nội, đêm chiều qua mới về đấy. Coi như tôi nhận lời thế thôi ... thế còn giải quyết ở huyện được là cái tốt, ở huyện xử xong mà án treo thì chú đã báo. Mà không được thì cứ xong cái về. Chú cho cái mẫu kháng cáo xuống tỉnh... Còn cái việc của cháu thì đến bây giờ người ta nhận rồi, xong rồi, thôi cứ yên tâm thôi... Đây được bao nhiêu tiền đây...* T trả lời: *Ba trăm.* D nói tiếp:... *ừ ba trăm. Với lại chú cầm năm chục là ba trăm rưỡi ... Tổng thể theo quy luật ước là đủ tiền ... Nếu như trục trặc cái gì chú trả lại cháu không thiếu một nghìn. Nhưng mà chắc chắn là được... chú nhận đủ của cháu ba trăm rưỡi nhá ... bây giờ chú lại phải đi Hà Nội luôn... lên giao tiền... sai đâu chú chịu...* . Tuy nhiên, từ sau khi nhận đủ 350 triệu đồng đến khi xét xử sơ thẩm, D

không liên hệ với cơ quan nào hoặc người nào để xin cho anh T được hưởng án treo. Ngày 29/3/2019, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ xử sơ thẩm, tuyên phạt anh T 10 tháng tù. Anh T liền gọi điện thông báo ngay cho D biết là không được hưởng án treo, thì D bảo anh T làm đơn kháng cáo. Đầu tháng 4/2019, anh T gửi đơn kháng cáo xin hưởng án treo và thông báo lại cho D biết. Khoảng hai ngày sau, D tiếp tục gọi điện cho anh T nói dối: "*... Bây giờ tóm lại nó chỉ hành về tiền... nó đòi thêm con 100 triệu nữa đấy, con chạy thì chạy mà không chạy, bố về, xong mai bố lên lấy tiền về trả con không thiếu một nghìn ... bố đang vừa mới đi ra khỏi nhà khách chính phủ đây, mới được có 2 cây số đây...".* T trả lời: *"Bố xem thế nào nói khó với người ta chứ con không còn cái gì".* D nói tiếp: *"Bố nói hết rồi... Bố đưa cho người ta quan to như thế bố phải chắc 100% của bố. Đây bố đi bố mang theo cả máy móc và các đệ tử đi đây... Thế còn người ta tuyên bố mức án của anh... xuống tỉnh án treo, 9 tháng án treo thôi nhá... người ta tuyên bố từ a đến z coi như xong...".* Ngày hôm sau anh T đi xe mô tô một mình đến nhà D nói chuyện đồng ý theo yêu cầu của D và đưa trước cho D 38 triệu đồng, còn lại sẽ đưa sau. Sau đó, D lại liên tục gọi điện giục anh T chuyển thêm 62 triệu đồng cho D. D nói: *"...bây giờ phải chuyển luôn hộ cái để chuyển về Hà Nội luôn". "... Sáng thứ hai chuyển nó không kịp ấy mà...sợ trên kia đòi đúng hẹn ... thế 62 triệu đấy thì mày chuyển vào ngân hàng đi..."* Nhưng anh T nói ngày hôm đó thứ 7, Ngân hàng không làm việc nên chưa chuyển được. Lúc này, D đang ở miền Nam nên D và anh T thống nhất là anh T sẽ gửi tiền cho D thông qua bà Nguyễn Thị B là vợ D rồi cho anh T số điện thoại của bà B. Sau đó, D điện về bảo bà B gặp anh T nhận tiền giúp chứ không nói gì thêm. Khoảng 3 ngày sau, tại cây xăng thuộc xã Q, huyện QP, anh T đã đưa 62 triệu cho bà B, lúc đưa anh T chỉ bảo nhờ cô đưa tiền cho chú D chứ không nói gì thêm. Đưa tiền xong, anh T gọi điện cho D, anh T nói: *"Chú ơi, cháu đưa cô nốt 62 triệu rồi đấy, cháu gặp cô đây rồi".* D bảo: *"Rồi, rồi, giao cho cô ý 62 triệu nhá... coi như đã xong, công việc của con đã xong nhá... bây giờ thì cứ yên tâm ...".* Thời điểm này D đã sử dụng phần lớn tiền của anh T để chi tiêu cá nhân.

Sau khi đưa đủ 450 triệu đồng cho D, anh T mới nghĩ lo lắng là có thể bị lừa mất số tiền lớn mà cũng không được cấp tỉnh xử án treo. Khoảng đầu tháng 4/2019, anh T đến Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình gặp hỏi một số cán bộ nhờ tư vấn xem có được hưởng án treo không, thì được trả lời chắc chắn là không được và khuyên anh rút đơn kháng cáo. Anh T liền gặp D nói lại việc đã gặp và được cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình giải thích như trên, thì D vẫn nói dối anh T là chắc chắn được xử án treo ở cấp tỉnh, cứ yên tâm nếu không được thì D trả lại tiền. Sau đó, D mới liên hệ với người quen mà D thường gọi là N, nhưng tên thật là Trần Lê B, sinh năm 1988, cư trú tại ngõ 100, phố T, quận C, thành phố HN (do anh B quen với con trai D và thường gọi nhau là N) nhằm mục đích nhờ người này tìm cách liên hệ giúp. Khoảng cuối tháng 4 đầu tháng 5/2019, D thuê xe taxi của anh anh Đào Duy V ở cùng thôn chở D đến gặp anh Bình nhờ liên hệ giúp và có đưa cho anh B 200 triệu đồng. Sau đó anh B có hỏi người quen nhưng không liên hệ được ai giúp, nên khoảng đầu tháng 5 anh B gọi điện bảo D lên lấy tiền về. Sau đó, D thuê xe taxi của anh V đến gặp B tại Hà Nội để D nhận lại số tiền đã đưa cho anh B. Sau khi nhận lại tiền từ anh B, D cũng không trả lại tiền cho anh T. Từ đầu tháng

5/2019, anh T liên tục đòi D trả lại 450 triệu đồng, thậm chí đến ở nhà D từ sáng đến đêm khuya đều không gặp được D, anh T gọi điện và nhắn tin đòi tiền thì D hẹn ngày trả rất nhiều lần mà không thực hiện. Ngày 09/7/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đình chỉ xét xử phúc thẩm, thì anh T tiếp tục thúc giục D trả lại tiền. Đến cuối tháng 7/2019, anh T đến nhà D chờ nhưng không gặp, nên anh T gọi điện đòi tiền D thì D hỏi: "*Bây giờ mày đang ở đâu?"*. Anh T nói: "*Cháu đang ở nhà chú"*. D bảo: "*Bây giờ ... mày cầm lấy 140 triệu"*... D bảo: "*Mày chờ 15 đến 20 phút nữa có người mang tiền cho mày"*. Anh T chờ tại nhà D, một lúc sau có 1 người đàn ông mang đưa cho anh T 140 triệu đồng, anh T cầm tiền rồi về nhà. Thời gian sau đó cho đến ngày 20/8/2019 trước khi đi thi hành án, anh T tiếp tục gọi điện nhắn tin thúc giục D trả lại tiền, nhưng D không trả. D hứa với anh T là trong thời gian anh T đi chấp hành án phạt tù, D sẽ mang đến nhà anh T trả lại đủ cho gia đình anh T nhưng D không liên hệ với gia đình anh T cũng không trả tiền. Anh T đi thi hành án phạt tù đến ngày 21/4/2020 thì chấp hành xong. Sau ngày 21/4/2020 đến tháng 4/2021, anh T nhiều lần đến nhà, gọi điện để đòi D trả nốt 310 triệu đồng nhưng D vẫn khất nhiều lần, trốn tránh không trả lại tiền cho T do D đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình điều tra, ban đầu Nguyễn Mạnh D chỉ thừa nhận có nhận của anh T 210 triệu đồng. Sau khi anh T gặp trực tiếp và nói rõ cho D biết anh giao tiền cho D 4 lần bằng 450 triệu đồng và đến giai đoạn truy tố thì D mới khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Trước khi anh T đi chấp hành án, bị cáo đã hoàn trả cho anh T số tiền 140 triệu đồng và bị cáo đã tác động đến gia đình hoàn trả cho anh T thêm 100 triệu đồng; tổng bị cáo và gia đình đã hoàn trả cho anh T được số tiền 240 triệu đồng. Bị cáo xin lỗi anh T về những gì bị cáo đã gây ra cho anh T.

- Bị hại, anh Ngô Văn T trình bày: Anh là bị cáo trong vụ án Đánh bạc đang trong giai đoạn chờ xét xử và mong muốn được Tòa án xét xử cho hưởng án treo, Nguyễn Mạnh D có nói với anh là quen biết nhiều lãnh đạo cơ quan tư pháp có thẩm quyền giải quyết ở cấp trung ương và địa phương, có thể liên hệ xin giúp cho anh được hưởng án treo với giá 450 triệu đồng. Anh tin tưởng lời D nói là thật nên đã giao đủ cho D số tiền 450 triệu đồng nhưng anh vẫn không được hưởng án treo. Sau nhiều lần đòi tiền, D khất lần và đến cuối tháng 7/2019 D mới trả anh được 140 triệu đồng. Anh đi thi hành án phạt tù đến ngày 21/4/2020 thì chấp hành xong. Sau ngày 21/4/2020 đến tháng 4/2021, anh nhiều lần đến nhà, gọi điện để đòi D trả nốt 310 triệu đồng nhưng D vẫn khất nhiều lần, trốn tránh không trả lại tiền cho anh. Vừa qua gia đình D đã thay D trả thêm cho anh được 100 triệu đồng (trong đó có 30 triệu đồng gia đình D nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 13/01/2022 và 70 triệu đồng anh nhận trực tiếp từ gia đình D vào ngày 09/3/2022). Do hoàn cảnh kinh tế của gia đình D khó khăn nên số tiền còn thiếu 210 triệu đồng anh tự nguyện cho D, không đòi nữa và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho D.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị B trình bày: D có tác động tới gia đình để khắc phục hậu quả cho anh T; bà đã tự nguyện thay D khắc phục hậu quả cho anh T được 100 triệu đồng (gồm: nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng số tiền 30 đồng và giao trực tiếp cho anh T 70 đồng).

Bản cáo trạng số 02/CT-VKSĐH ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo D theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo D từ 08 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt của tội bị cáo đang bị xét xử với hình phạt của bản án mà bị cáo đang chấp hành án thành hình phạt chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự

Chấp nhận sự tự nguyện của bị hại anh Ngô Văn T về việc anh T chỉ yêu cầu bị cáo D hoàn trả số tiền 240 triệu đồng (gồm: Cuối tháng 7/2019 bị cáo D trả anh T 140 triệu đồng; ngày 13/01/2022 gia đình bị cáo D nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng 30 triệu đồng và ngày 09/3/2022 gia đình bị cáo D giao trực tiếp cho anh T 70 triệu đồng). Trách nhiệm dân sự của bị cáo D đối với anh T đã xong.

- Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị hại trình bày ý kiến: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định

tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của Nguyễn Mạnh D tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng và còn được chứng minh bằng:

- Đơn tố cáo và lời khai của bị hại là anh Ngô Văn T.

- Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đông Hưng lập ngày 23/4/2021 tại Công an huyện Đông Hưng, nội dung: anh T giao 16 tờ giấy A4 phô tô ảnh chụp màn hình, nội dung anh T và D nhắn tin qua lại đòi tiền từ 31/7/2019 đến 20/8/2019 (ngày T đi chấp hành án phạt tù); từ ngày 21/4/2020 (ngày T chấp hành xong án phạt tù) đến ngày 3/6/2020 và 01 USB nhãn hiệu KINGSTON DTE9 8GB trong có chứa 10 tập tin ghi âm nội dung nói chuyện giữa anh T và D từ khi gặp giao tiền và khi đòi lại tiền;

- Các Biên bản làm việc về việc ghi âm giọng nói của D và của anh T được sao chép vào USB;

- Các Biên bản niêm phong đồ vật gồm: 01 USB nhãn hiệu KINGSTON DTE9 8GB do anh T giao nộp; 01 USB ghi âm giọng nói của Nguyễn Mạnh D 01 USB ghi âm giọng nói của anh Ngô Văn T khi làm việc tại Công an huyện Đông Hưng ngày 07/5/2021;

- Kết luận giám định số 3597/C09-P6 ngày 11/8/2021 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an (Bút lục số 108 đến 119), nội dung: Mẫu giám định gồm 10 tệp tin âm thanh ký hiệu từ A1 đến A10. Mẫu so sánh gồm: 01 tập tin âm thanh *"T quỳnh phụ.m4a"* và 01 tập tin âm thanh *"Nguyễn Mạnh D.m4a"*. Kết luận:

Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin âm thanh cần giám định.

Tiếng nói của người xưng là "cháu" trong các mẫu cần giám định A1, A2, A4, A8, A9, A10; tiếng nói của người xưng là "con" trong các mẫu cần giám định A3, A5, A7 và tiếng nói của Ngô Văn T trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Tiếng nói của người xưng là "Tao" trong các mẫu cần giám định A1, A2, A4, A8, A9; tiếng nói của người xưng là "chú" trong các mẫu cần giám định A3, A5, A6, A10; tiếng nói của người xưng là "bố" trong mẫu cần giám định A7 và tiếng nói của Nguyễn Mạnh D trong mẫu so sánh là của cùng một người.

Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển sang văn bản gồm 20 trang khổ giấy A4.

- Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị B;

- Lời khai của người làm chứng: Anh Trần Lê B, anh Đào Văn D, anh Đào Duy V, anh Nguyễn Đình T và chị Nguyễn Thị Ngọc P;

- Biên bản đối chất giữa Nguyễn Mạnh D và anh Trần Lê B ngày 04/11/2021;

- Biên bản đối chất giữa Nguyễn Mạnh D và anh Đào Duy V ngày 12/11/2021;

- Biên bản đối chất giữa Nguyễn Mạnh D và anh Đào Văn D ngày 14/11/2021;

- Cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Mạnh D là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Lợi dụng việc anh Ngô Văn T là bị cáo trong vụ án Đánh bạc đang trong giai đoạn chờ xét xử và mong muốn được Tòa án xét xử cho hưởng án treo, trong thời gian từ ngày 20/3/2019 đến đầu tháng 4/2019 Nguyễn Mạnh D đã có hành vi gian dối nói là quen biết nhiều lãnh đạo Cơ quan tư pháp có thẩm quyền giải quyết ở cấp trung ương và địa phương, có thể liên hệ xin giúp cho anh T được hưởng án treo. Anh T tin tưởng D sẽ giúp anh T được hưởng án treo nên anh T đã chuyển đủ 450.000.000 đồng cho D. D đã sử dụng phần lớn số tiền của anh T để chi tiêu cá nhân.

Hành vi của Nguyễn Mạnh D đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nhưng không chịu lao động nên bị cáo đã dấn thân vào con đường phạm tội. Hậu quả mà bị cáo gây ra phải chịu sự trừng trị của pháp luật.

[4]. Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Bị cáo được áp dụng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là thành khẩn khai báo (điểm s) và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại (điểm b). Ngoài ra bị cáo còn được áp dụng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là (Bố

đẻ bị cáo là thương binh; bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo).

[5]. Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt tương xứng để cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện và có tác dụng chung trong việc đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

Hội đồng xét xử sẽ áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với hình phạt của bản án mà bị cáo đang thi hành.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đang bị tạm giam, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D và gia đình bị cáo D đã thỏa thuận bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại với số tiền là 2.000.000 đồng. Gia đình bị hại không yêu cầu D bồi thường gì thêm. Thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị hại anh Ngô Văn T chỉ yêu cầu bị cáo D hoàn trả số tiền 240 triệu đồng (cuối tháng 7/2019 bị cáo D đã trả anh T 140 triệu đồng; ngày 13/01/2022 gia đình bị cáo D nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng 30 triệu đồng và ngày 09/3/2022 gia đình bị cáo D giao trực tiếp cho anh T 70 triệu đồng); số tiền còn lại 210 triệu đồng, anh T cho bị cáo D. Thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9].Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Mạnh D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp với hình phạt 11 (mười một) tháng tù tại bản án số 90/2021/HSST ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Buộc Nguyễn Mạnh D phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 09 (chín) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/7/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Nguyễn Mạnh D.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Ngô Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn H, xã A, huyện Q, tỉnh TB về việc chỉ yêu cầu bị cáo Nguyễn Mạnh D hoàn trả số tiền 240.000.000 đồng (bị cáo D đã trực tiếp hoàn trả cho anh T số tiền 140.000.000 đồng vào cuối tháng 7/2019; gia đình bị cáo D đã thay D hoàn trả cho anh T 70.000.000 đồng vào ngày 09/3/2022 và chuyển số tiền 30.000.000 đồng gia đình bị cáo D đã thay D nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng, theo biên lai thu tiền số 0001041 ngày 13/01/2022 thành tiền bị cáo D hoàn trả cho anh T). Trách nhiệm dân sự của bị cáo Nguyễn Mạnh D đối với anh Ngô Văn T đã được giải quyết xong.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Nguyễn Mạnh D phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H.Đông Hưng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS H. Đông Hưng;
- Công an H. Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Lê Kiên Trung